TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12/4/2022.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Hà.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trương Thị Lệ Thanh.**
2. Ông **Hoàng Văn Đông.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Huyền Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Vũ Xuân Trường** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 207/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trương Thị Hồng Â**, sinh năm: 1994

Địa chỉ: Số 07, khu 2, ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Đăng Q**, sinh năm: 1993

Địa chỉ: Số 20, Khu dân cư 7, ấp C, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Chị Â có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Q vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 31/3/2021, Bản tự khai ngày 10/5/2021 và Bản tự khai ngày 17/01/2022, nguyên đơn chị Trương Thị Hồng Â trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đăng Q tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 106 (quyển 01/2014) ngày 17/02/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng không có tiếng

nói chung, tình cảm vợ chồng phai nhạt, đã sống ly thân. Chị nhận thấy khả năng vợ chồng đoàn tụ không có nên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Đăng Q.

Về con chung: Chị và anh Q có 01 con chung là Nguyễn Thương Hoài A, sinh ngày 12/01/2012. Hiện cháu A đang sống cùng với chị, được chị chăm sóc tốt, khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Quang cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Do bận công việc, không thể đến Tòa án tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa, để nghị Tòa án cho chị được vắng mặt khi hòa giải và tại phiên tòa.

- Bị đơn anh Nguyễn Đăng Q không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

Việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử, tống đạt văn bản tố tụng, giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu: Tòa án xác định đúng theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng chị Â, anh Q đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, khả năng đoàn tụ không có nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Â. Đề nghị cho chị Â được ly hôn với anh Nguyễn Đăng Q.

Về con chung: Chị Â có nguyện vọng nuôi con chung, xét thấy con chung hiện sống cùng chị Â, được đi học, được chăm sóc tốt và cháu có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Đề nghị giao con chung cho chị Â nuôi dưỡng sau ly hôn. Chị Â không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nôi con chung nên tạm thời anh Q không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nưôi con chung.

Chị Â, anh Q được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được đảm bảo thực hiện theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Trương Thị Hồng Â phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Trương Thị Hồng Â có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Đăng Q đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Nguyễn Đăng Q cư trú tại xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của của Tòa án nhân dân huyện Đ theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về quan hệ pháp luật: Chị Trương Thị Hồng Â khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu giải quyết việc nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Về luật áp dụng: Chị Trương Thị Hồng Â và anh Nguyễn Đăng Q đăng ký kết hôn năm 2014 nên áp dụng luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Hồng Â và anh Nguyễn Đăng Q tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã P cấp giấy chứng nhận kết hôn số106 (Q1/2014) ngày 17/02/2014 nên được công nhận hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Ân: Chị Â xin ly hôn với lý do vợ chồng không hạnh phúc, đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, hiện tại anh chị đã sống ly thân, vợ chồng không còn tình cảm. Căn cứ Điều 18 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, xét thấy chị Â và anh Q không còn sống chung với nhau, đời sống chung vợ chồng đã chấm dứt, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không thực hiện quyền nghĩa vụ chung của vợ chồng. Anh Q được Tòa án triệu tập để hòa giải đoàn tụ nhưng không đến hòa giải, điều này chứng tỏ anh Q không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Nên có đủ cơ sở khẳng định vợ chồng chị Â thật sự mâu thuẫn, không có khả năng đoàn tụ. Vì vậy, Chị Â xin ly hôn với anh Q là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 89, 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên chấp nhận.

Về con chung: Chị Â và anh Q có 01 con chung là Nguyễn Thương Hoài A, sinh ngày 12/01/2012. Chị Â có nguyện vọng nuôi con chung khi ly hôn. Xét thấy, hiện cháu A đang sống cùng với chị Â, được chị chăm sóc tốt, được học hành đầy đủ và cháu anh có nguyện vọng sống cùng chị Â. Do đó, giao con chung cho chị Â trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng sau ly hôn. Tạm thời,

anh Nguyễn Đăng Q không phải thực hiện nghĩa vụ nuôi con chung do chị Â chưa yêu cầu.

Anh Nguyễn Đăng Q có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, chị Â, anh Q có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 92, 93, 94 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Â phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 85, Điều 89, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Hồng Â. Chị Trương Thị Hồng Â được ly hôn với anh Nguyễn Đăng Q.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thương Hoài A, sinh ngày 12/01/2012 cho chị Trương Thị Hồng Â trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Tạm thời anh Q không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Q có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trương Thị Hồng Â phải chịu 300.000đ tiền án phí sơ thẩm về ly hôn. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị Â đã nộp theo biên lai thu số 0005901 ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí. Chị Â đã nộp đủ tiền án phí.

6. Quyền kháng cáo: Chị Trương Thị Hồng Â và anh Nguyễn Đăng Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu HS.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thanh Hà